

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HS-PT
Ngày 22-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình

Bà Đinh Thị Như Phượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại T sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 93/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn T, tên gọi khác: Hải, sinh năm 1990 tại Đô L, Nghệ An. Nơi ĐKHKTT: xóm Quang G, xã Giang Sơn Đ, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nh (đã chết) và bà Hoàng Thị L, chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/6/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 16/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Kon Pl, tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã ngày 19/02/2019 và bị tạm giam cho đến nay.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 7/2013 Phạm Văn T quen biết với Nguyễn Văn Tr, trú tại thôn 3, xã Đ, huyện Kb, tỉnh Gia Lai sau đó T chuyển đến ở trong 01 phòng trọ cùng

với Tr và đối tượng tên N (không rõ nhân thân lai lịch). Trước đó Tr đã nhiều lần trộm cắp xe mô tô làm phương tiện đi lại. Sau đó Tr bàn với T cùng đi trộm cắp xe mô tô làm phương tiện đi lại và tiêu thụ lấy tiền chia nhau để sinh sống, tiêu xài cá nhân cả hai đã thống nhất, sau đó đã nhiều lần trộm cắp xem máy, từ tháng 08/2013 đến tháng 09/2013 Tr và T cùng nhau thực hiện trộm cắp 05 chiếc xe máy. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kbang kết luận tổng giá trị của 05 chiếc xe máy mà Tr và T đã trộm cắp là 72.075.000 đồng. Ngày 03/9/2013 Tr bị bắt giữ và khai nhận cùng T thực hiện các vụ trộm đã nêu, còn T trốn khỏi địa phương, tại bản án số 14/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kb đã tuyên hình phạt đối với Nguyễn Văn T, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đối với 05 chiếc xe bị cáo cùng T đã trộm.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 22/2019/HSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện KB, tỉnh Gia Lai quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành tại Bản án số 11/2019/HSST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kon Pl, tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/02/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của các bị cáo

Ngày 14/10/2019 bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp chứng cứ gì mới, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng chỉ vì thiếu hiểu biết và học vấn thấp nên mới theo bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên phần Quyết định của bản án hình sơ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn Tr và lời khai của người liên quan có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T không có nghề nghiệp, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2013 đến tháng 9/2013 bị cáo Phạm Văn T cùng đồng phạm liên tiếp 05 lần trộm cắp 05 chiếc xe máy của người dân với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 72.075.000 đồng để tiêu xài. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng: Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn đến tỉnh khác rồi tiếp tục cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên nhiều lần bị xét xử về cùng tội này, hành vi của bị cáo gây mất mát tài sản công dân, gây mất trật tự trị an và hoang mang trong quần chúng, việc bị cáo liên tục phạm tội để làm nguồn sống chính đã thể hiện bản thân không biết ăn năn hối cải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án nghiêm khắc là đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết để giảm bớt mối nguy hiểm cho xã hội, đủ thời gian cải tạo bị cáo thành người tốt và để răn đe chung. Tại phiên tòa này không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện KB, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành tại Bản án số 11/2019/HSST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kon Pl, tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/02/2019.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện KB;
- Chi cục THADS huyện KB;
- Công an huyện KB, T20;
- Bị cáo; NTGTT
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hồng